

Họ và tên thí sinh: VĂN THUY HỒNG LOAN.....Nam/Nữ: .....

.....

Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... Dân tộc: .....

Nơi sinh: .....

Hộ khẩu thường trú: .....

Khu vực dự thi (KV): ..... Đối tượng dự thi:.....

.....Phòng thi số:.....Số báo danh:.....

|                      |
|----------------------|
| Cán bộ coi thi 1 ký: |
| Cán bộ coi thi 2 ký: |
| Số phách:            |

Bài thi gồm 02 trang - Thí sinh phải viết câu trả lời vào đúng phần quy định theo hướng dẫn  
Bằng chữ :

|           |
|-----------|
| Số phách: |
|-----------|

|                       |
|-----------------------|
| Cán bộ chấm thi 1 ký: |
|-----------------------|

|                       |
|-----------------------|
| Cán bộ chấm thi 2 ký: |
|-----------------------|

I (05 điểm). Chọn từ có trọng âm chính nhấn vào âm tiết có vị trí khác các từ còn lại và viết chữ A, B, C hoặc D ứng với mỗi từ vào ô tương ứng trong khung Answers.

- |                   |               |                |               |
|-------------------|---------------|----------------|---------------|
| 1. A. advance     | B. ancient    | C. cancer      | D. annual     |
| 2. A. theory      | B. tragedy    | C. invent      | D. government |
| 3. A. inspire     | B. wealthy    | C. protect     | D. extinct    |
| 4. A. simplicity  | B. pollution  | C. electricity | D. activity   |
| 5. A. mathematics | B. statistics | C. academy     | D. mechanic   |

| Answers |  |
|---------|--|
| 1.      |  |
| 2.      |  |
| 3.      |  |
| 4.      |  |
| 5.      |  |

II (10 điểm). Chọn một từ/cụm từ thích hợp cho mỗi chỗ trống trong những câu sau và viết chữ A, B, C hoặc D ứng với từ/cụm từ đã chọn vào ô tương ứng trong khung Answers.

- |                                                                                                                                       |                                                                                                                         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6. Remember to go ____ your test paper to check for grammar and spelling mistakes.<br>A. on B. over C. off D. into                    | 7. The cat was ____ to wait for the mouse to come out.<br>A. patiently enough B. so patient C. enough D. patient enough |
| 8. We have to start early ____ we'll be late for school.<br>A. or else B. so that C. although D. that                                 | 9. Venice, ____ was built on water, is a city in Italy.<br>A. where B. that C. who D. which                             |
| 10. Unemployment is a serious problem in the area; there are ____ jobs for the people there.<br>A. a little B. a few C. few D. little | 11. Don't let this opportunity go ____ .<br>A. by B. off C. up D. over                                                  |
| 12. It was impossible for her to tell the truth, so she had to ____ a story.<br>A. combine B. manage C. invent D. lie                 | 13. We have to ____ allowance for this difficult circumstance.<br>A. do B. make C. work D. act                          |
| 14. I'm not accustomed ____ up so early.<br>A. to getting B. to get C. by getting D. get                                              | 15. It was really kind ____ you to help poor people.<br>A. from B. on C. of D. in                                       |

| Answers |     |
|---------|-----|
| 6.      | 7.  |
| 8.      | 9.  |
| 10.     | 11. |
| 12.     | 13. |
| 14.     | 15. |

III (20 điểm). Hoàn thành mỗi câu sau với dạng thích hợp của từ trong ngoặc ( ) bằng cách viết dạng từ thích hợp đó vào ô tương ứng trong khung Answers.

- |                                                                                              |              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 16. ____, Charles Darwin didn't intend to publish his book <i>On the Origin of Species</i> . | (ORIGIN)     |
| 17. " ____ speak louder than words."                                                         | (ACT)        |
| 18. Visitors said that the ____ of the people in Vietnam was most unforgettable.             | (HOSPITABLE) |
| 19. The explanation of the accident is very ____ .                                           | (CONFUSE)    |
| 20. One of the ____ of English is that it is becoming simpler and simpler.                   | (STRONG)     |
| 21. A right amount of calcium added to our food will help to ____ our weak bones.            | (SOLID)      |
| 22. In ancient Greece, the owl was a symbol of ____ .                                        | (WISE)       |
| 23. Laser beams can kill cancer cells while leaving the surrounding ones ____.               | (HARM)       |
| 24. Freedom of ____ is one of the fundamental rights.                                        | (SPEAK)      |
| 25. What old people fear most is ____ .                                                      | (LONELY)     |

| Answers |  |
|---------|--|
| 16.     |  |
| 17.     |  |
| 18.     |  |
| 19.     |  |
| 20.     |  |
| 21.     |  |
| 22.     |  |
| 23.     |  |
| 24.     |  |
| 25.     |  |

IV (20 điểm). Tìm một từ thích hợp cho mỗi chỗ trống được đánh số từ 26 đến 35 và viết từ đó vào ô tương ứng trong khung Answers.

...

She stood by the window for a few minutes, looking at the trails of (26) \_\_\_\_ rising up from the chimneys into the grey morning (27) \_\_\_\_ . A bus stopped on the road between her house and the village in the valley below. Watching the (28) \_\_\_\_ of passengers getting on one (29) \_\_\_\_ one, she felt envious of them. They could go to work, (30) \_\_\_\_ she was always left at home to look (31) \_\_\_\_ the baby and do the housework.

She went back into the sitting room. She had not even begun to tidy (32) \_\_\_\_, but she couldn't find the energy (33) \_\_\_\_ it this morning. She had had a terrible night and had been woken up by the baby so many (34) \_\_\_\_ that all she wanted to do was go back to sleep. But she knew that it would not be (35) \_\_\_\_ .

| Answers |  |     |  |
|---------|--|-----|--|
| 26.     |  | 27. |  |
| 28.     |  | 29. |  |
| 30.     |  | 31. |  |
| 32.     |  | 33. |  |
| 34.     |  | 35. |  |

**V (15 điểm).** Đọc đoạn văn sau đây và viết câu trả lời ngắn gọn vào phần ..... sau mỗi câu hỏi.

Greece today is a small country in southeastern Europe. The population is approximately nine million, and the capital city is Athens. High mountains with rich, fertile land between them cover northern Greece. The hilly southern part is a peninsula called the Peloponnesus. Hundreds of islands surround the mainland. The largest island is Crete. No part of the nation is far from water. The Ionian Sea and the Aegean Sea carved deep bays and gulfs into the long coastline. Greece has been a seafaring nation for centuries, and Greece is very well-known for its shipping industry. More than three thousand years ago, the Greek people developed a very sophisticated society. They had a great civilization, one of the greatest that the Western world has ever seen. Greek architecture, thinking, and art influenced other civilizations. Even the Greek language influenced other languages, including English. For example, the English words *alphabet*, *democracy*, and *arithmetic* come from Greek. Today Greece is one of the most popular nations with the tourists who visit Europe. Thousands of people are attracted to the country because of its beautiful scenery, magnificent ancient buildings, and its excellent summer weather.

36. Which part of Greece is good for growing crops?
36. ....
37. What have the seas done to the coastline?
37. ....
38. In what fields has Greece influenced other civilizations?
38. ....
39. Why does Greece attract many tourists?
39. ....
40. When did the Greek civilization begin?
40. ....

**VI (15 điểm).** Viết lại các câu sau đây sao cho nghĩa của chúng không thay đổi. Hãy bắt đầu mỗi câu bằng từ/cụm từ cho sẵn bên phải.

41. What particularly impressed me was her knowledge of world history.
41. It was her .....
42. “ Shall I carry the suitcase for you, Pauline?” said John.
42. John offered .....
43. I’m sorry now that I didn’t tell you the truth.
43. I wish .....
44. I feel uncomfortable to be in a room where everybody is shouting.
44. I can’t stand .....
45. Man continues to take minerals from the earth in immense quantities.
45. Minerals .....
46. She never seems to succeed even though she works hard.
46. However .....
47. The Picasso painting was so expensive that nobody could buy it.
47. So .....
48. “Where is the head waiter? I must speak to him.”
48. The customer insisted .....
49. These old men can’t be made to change.
49. It is .....
50. When she heard the news, she broke down.
50. On .....

**VII (05 điểm).** Trong mỗi câu từ 51 đến 55 sau đây có **MỘT** lỗi. Gạch chân lỗi đó và viết từ/cụm từ đúng vào ô tương ứng trong khung bên phải.

51. My telephone has been out of work for a few days.
52. If you move quiet, you can see small wild animals in this area.
53. Thirty hours a week are a heavy work schedule.
54. You mustn’t leave so soon. The show doesn’t start till eight.
55. Competitive cyclists must react calm during tournaments.

|     |  |
|-----|--|
| 51. |  |
| 52. |  |
| 53. |  |
| 54. |  |
| 55. |  |

**VIII (10 điểm).** Sử dụng những từ/cụm từ cho sẵn trong các câu sau để viết thành những câu hoàn chỉnh. Anh/Chị có thể dùng thêm từ/cụm từ và thực hiện những biến đổi cần thiết nhưng không bỏ bất kỳ từ nào đã cho.

56. Jack London / life and writings / think / by many / represent / American / love / adventure //
56. ....
57. They / no / intention / put / end / crisis / those days //
57. ....
58. James Watt / Scottish scientist / invent / steam engine //
58. ....
59. You / not pass / coming exam / unless / work hard //
59. ....
60. Our beautiful forests / destroy / if / we / do / nothing / preserve them //
60. ....